

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19-8-2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Tân

2. Bà Đinh Thị Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Chi – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2025, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2025, Thông báo về việc chuyển thời gian xét xử số 09/TB-TA ngày 28 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1988;

2. *Bị đơn:* Anh Lâm Thành Đ, sinh năm 1987;

Cùng địa chỉ: Hẻm I đường Q, phường C, tỉnh Quảng Ngãi.

Tại phiên tòa: Chị T và anh Đ vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/12/2024, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lâm Thành Đ có tình cảm, yêu thương, tự nguyện đến với nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng kết hôn vào ngày 27/10/2011 tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Q (nay là phường C), tỉnh Quảng Ngãi. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống khác nhau nên thường xuyên không có tiếng nói chung trong mọi việc nên phần ai nấy sống không còn quan tâm đến nhau nữa dẫn đến vợ chồng sống ly thân. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Lâm Thành Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lâm Nguyễn Thiên V, sinh ngày 08/6/2012 và cháu Lâm Tiểu B, sinh ngày 23/6/2016. Khi ly hôn, chị T yêu cầu giao cháu V và cháu B cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Đ phải cấp dưỡng nuôi cháu V và cháu B mỗi tháng 2.500.000 đồng/cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Tại Đơn trình bày ngày 01/8/2025, chị Nguyễn Thị Thu T thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, chị T yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi cháu Lâm Tiểu B mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi, chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi cháu Lâm Nguyễn Thiên V.

Về nợ chung không có, tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc làm ăn nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt chị tại các phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa chị với anh Đ.

Tại đơn trình bày và đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 15/8/2025 bị đơn anh Lâm Thành Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T trong thời gian chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lâm Nguyễn Thiên V, sinh ngày 08/6/2012 và cháu Lâm Tiểu B, sinh ngày 23/6/2016, khi ly hôn anh Đ đồng ý giao các cháu L Nguyễn Thiên V và Lâm Tiểu B cho chị T nuôi dưỡng, anh Đ đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Lâm Tiểu B mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Về nợ chung không có, tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì điều kiện công việc làm ăn nên anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh tại các phiên tòa xử vụ án ly hôn giữa anh với chị T.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Quảng Ngãi tại phiên tòa sơ thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nội dung: Về hôn nhân chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Lâm Thành Đ. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao 02 cháu L Nguyễn Thiên V và Lâm Tiểu B cho chị Nguyễn Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; anh Lâm Thành Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Lâm Tiểu B mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi

Anh Đ được quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc các con mà không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có.

Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Lâm Thành Đ phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị Thu T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Lâm Thành Đ. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Quảng Ngãi.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T và bị đơn anh Lâm Thành Đ vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh Đ.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Lâm Thành Đ tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Q (nay là phường C), tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 27/10/2011; trước khi kết hôn có tìm hiểu, yêu thương và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống nên hôn nhân giữa chị T và anh Đ là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào đơn khởi kiện và trình bày của chị T thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng là do quan điểm sống khác nhau nên thường xuyên không có tiếng nói chung trong mọi việc nên phần ai nấy sống không còn quan tâm đến nhau dẫn đến vợ chồng sống ly thân. Anh Đ xác định trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị T có đơn yêu cầu ly hôn, anh Đ đồng ý ly hôn với chị T.

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu T và anh Lâm Thành Đ.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh Đ có 02 con chung là cháu Lâm Nguyễn Thiên V, sinh ngày 08/6/2012 và cháu Lâm Tiểu B, sinh ngày 23/6/2016, hiện nay đang sống cùng với chị T; khi ly hôn chị T và anh Đ thống nhất giao cháu L Nguyễn Thiên V và Lâm Tiểu B cho chị Nguyễn Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; anh Lâm Thành Đ cấp dưỡng nuôi cháu Lâm Tiểu B mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận sự thỏa thuận của anh Đ và chị T về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con.

Sau khi ly hôn, anh Lâm Thành Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh Đ xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, chị T phải chịu án phí thuận tình ly hôn 75.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003872 ngày 08/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, hoàn trả cho chị T 225.000 đồng. Anh Đ phải chịu án phí thuận tình ly hôn 75.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng, tổng cộng 225.000 đồng.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Quảng Ngãi tại phiên tòa đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 266, 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, 58, 69, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lâm Thành Đ và chị Nguyễn Thị Thu T.

2. Về con chung: Giao cháu Lâm Nguyễn Thiên V, sinh ngày 08/6/2012 và cháu Lâm Tiểu B, sinh ngày 23/6/2016 cho chị Nguyễn Thị Thu T trực tiếp trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Lâm Thành Đ cấp dưỡng nuôi

cháu Lâm Tiểu B mỗi tháng 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng từ tháng 9/2025.

Anh Lâm Thành Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Lâm Thành Đ xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí thuận tình ly hôn 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003872 ngày 08/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, hoàn trả cho chị T 225.000 (hai trăm hai mươi lăm nghìn) đồng. Anh Lâm Thành Đ phải chịu án phí thuận tình ly hôn 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng, tổng cộng 225.000 (hai trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với số tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Khu vực 1 - Quảng Ngãi;
- Phòng THADS Khu vực 1 - Quảng Ngãi;
- UBND phường Cẩm Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Kim Quyên

